

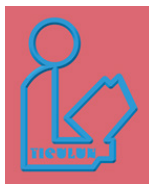
Đức tin
trong hồn thơ
Hàn Mặc Tử

ĐẶNG TIẾN



Đức tin trong hồn thơ Hàn Mặc Tử

Đặng Tiến



Paris * 02-2026

Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*
Ebook : *Thư viện Tiểu Lùn*

Đức tin trong hồn thơ Hàn Mặc Tử

ĐẶNG TIẾN

VĂN số 179
Saigon * 01-06-1971

Hàn Mặc Tử mất ngày 11 tháng 11 năm 1940. Từ 1942, Vũ Ngọc Phan đã nhận xét: “Từ ngày Hàn Mặc Tử từ trần đến nay, mới trong khoảng hai năm trời, mà người ta đã nói rất nhiều và viết rất nhiều về Hàn Mặc Tử...”¹

Và đến nay, bao nhiêu giấy mực đã được dành cho nhà thơ bạc mệnh. Có lẽ ở miền Nam, Hàn Mặc Tử là thi sĩ được nhắc nhở nhiều nhất. Tôi chỉ e rằng dù vậy sự hiểu biết của chúng ta về thi tài đó vẫn

¹ Vũ Ngọc Phan, Nhà Văn Hiện Đại III, 1942 – ấn bản 1951, n.xb Vĩnh Thịnh, Hà Nội, tr 325.

không tiến bộ được bao nhiêu. Có lẽ lại lùi là khác. Năm 1941, Hoài Thanh muốn nói đến Hàn Mặc Tử đã hỏi mượn thơ do Trần Thanh Địch² giữ. Cùng năm đó, khi viết cuốn “Hàn Mặc Tử”, có lẽ Trần Thanh Mai cũng dùng nguồn tài liệu đó, tức là của em mình. Ngày nay, ngoài tập “Thơ Hàn Mặc Tử” mong manh của nhà xuất bản Tân Việt, chúng ta không còn tài liệu nào khác. Chính Quách Tấn, bạn thân, ân nhân, người đã được nhà thơ ký thác trọn vẹn tác phẩm, cũng tỏ vẻ không có nhiều tài liệu hơn chúng ta. Trong bài nói về nhà thơ quá cố đăng trên VĂN³, Quách Tiên sinh, khi trích thơ Hàn Mặc

2 Hoài Thanh và Hoài Chân, Thi Nhân V.N., Thiều Quang xuất bản, Sài Gòn, 1967, tr 204.

3 Văn, số đặc biệt H.M.T., 73-74, ngày 7-1-1967, tr 139.

Tử, đã làm một việc mà ai cũng làm được, như Vũ Ngọc Phan đã làm, nghĩa là trích từ tập thơ thiếu sót kia, hay trích lại của Trần Thanh Mại và Hoài Thanh – trừ vài bài tứ tuyệt không mấy quan trọng. Lý do rất giản dị: chiến tranh đã làm thất lạc hết tài liệu, mặc dù Quách Tấn đã gìn giữ cẩn thận, sao nhiều bản gửi Bộ Giáo dục Nam Triều thời đó và tất cả bạn bè của Tử⁴. Như vậy trong mọi hành trình vào tác phẩm Hàn Mặc Tử, chúng ta sẽ dẫm chân tại chỗ, đua nhau kể cuộc đời ái tình và sự nghiệp của nhà thơ – dĩ nhiên là éo le gay cấn, nhưng không giúp hiểu thêm nhà thơ bao nhiêu trừ một vài bài quan trọng; như của Quách Tấn trên số Văn

4 Văn, số đặc biệt H.M.T., 73-74, ngày 7-1-1967, tr 139.

thượng dẫn, ngoài việc đưa ra một số sự kiện chung quanh việc sáng tạo của Hàn Mặc Tử còn bổ chính nhiều điều do Trần Thanh Mại kể trong cuốn biên khảo⁵ về Hàn Mặc Tử xưa nay vốn là tài liệu tham khảo căn bản cho mọi người về cuộc tranh tụng giữa hai họ Quách và Trần năm 1942, thì chúng tôi không có ý kiến gì. Nhưng xin tán đồng Quách Tấn về hai điểm: thứ nhất là Trần Thanh Mại ấu, thứ hai là ông không hiểu thơ, và cứ ưa phê bình thơ, và Vũ Ngọc Phan⁶ cũng đồng ý như vậy. Tuy nhiên, nếu không có cái ấu, cái trích dẫn bừa bãi của họ Trần, thì các nhà nghiên cứu – kể cả Quách Tấn – lấy đâu ra thơ Hàn Mặc Tử để tham

5 Trần Thanh Mại, *Hàn Mặc Tử*, Tân Việt tái bản, Sài Gòn 1957.

6 Vũ Ngọc Phan, *sđd*, tr 63-83.

khảo, sau khi người giữ bản quyền đề thất lạc hết di thảo? Tưởng khi nhắc đến chuyện ba mươi năm về trước Quách tiên sinh không nên chua cay thì mới công bình⁷.

Chúng tôi trình bày những khó khăn về tài liệu đó là có ý rào đón những thiếu sót trong bài này, khi đề cập đến một đề tài hệ trọng và bao quát: đức tin Thiên Chúa giáo trong thơ Hàn Mặc Tử. Chúng tôi không khám phá ra điều gì mới mẻ, mà chỉ khai triển một nhận xét của các ông Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh... cách đây mấy mươi năm. Chúng tôi chỉ đào sâu thêm tác phẩm để có một cái nhìn nhất quán trên toàn thể thi phẩm. Thay vì trích dẫn những câu có hình thức

⁷ Quách Tấn, Văn, sđd, tr. tr. 141-148.

Thiên Chúa giáo như Maria, linh hồn tôi... thì tôi cố chứng minh là kiến trúc toàn bộ của thơ Hàn Mặc Tử đều vang dội lời truyền giảng của Phúc Âm. Bài báo chia làm năm phần:

- Nhận định tổng quát
- Gái Quê: thế giới đợi chờ
- Đau Thương: con người chịu đựng
- Đau Thương: con người sáng tạo và mơ ước
- Xuân như ý : Thế giới khai huyền.

“Tôi đã sống mãnh liệt và đầy đủ. Sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn... Thôi mời cô cứ vào... Ánh sáng lạ trong thơ tôi...”⁸. (tr. 8)

Đối với Hàn Mặc Tử thơ và đời sống là một bất khả phân, nhất là khi lâm trọng bệnh. *Nàng đánh tôi đau quá, tôi bật ra tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú* (tr 8). Tác phẩm của Hàn mang tên *Đau Thương* vì nó là Đau Thương, nó là “kinh nghiệm trước hết của một con người, một thực tại con người ngay trong thân phận”⁹. Vũ Ngọc Phan nhận xét : “Có lẽ ông là người Việt Nam Ca ngợi Thánh nữ Đồng trinh Maria

8 Thơ Hàn Mặc Tử đều trích từ ấn bản Tân Việt, Sài Gòn 1959 - ấn bản này không đánh số trang, tôi dựa theo mục lục mà ghi số trang, để bạn đọc dễ kiểm chứng.

9 Huỳnh Phan Anh, Văn số 73-74 đã dẫn.

và Chúa Jésus bằng thơ trước nhất. Ông ca tụng đạo Gia-tô một giọng rất chân thành. Lần này cũng là lần đầu, thi ca VN thấy được một nguồn hứng mới.”¹⁰.

Hoài Thanh nói rộng đến vấn đề tương quan giữa tôn giáo và dân tộc, “Thơ Hàn Mặc Tử ra đời, điều ấy chứng rằng đạo Thiên Chúa ở xứ này đã tạo ra một cái không khí có thể kết tinh lại thành thơ. Tôi tin rằng chỉ những tình cảm có thể diễn ra thơ mới thiệt là những tình cảm đã thấm tận đáy hồn đoàn thể”¹¹. Nhận xét này của một kẻ “thiếu lòng tin, du khách bơ vơ” là Hoài Thanh, mang một ý nghĩa đặc biệt, trong người Ki-tô giáo V.N. niềm tin Thiên Chúa đã

10 Vũ Ngọc Phan, sđd, tr 332.

11 Hoài Thanh và Hoài Chân, sđd, tr. 212.

trở thành một niềm tin thuần túy VN. Và thơ Hàn Mặc Tử đã chứng thực điều đó: một đức tin Việt Nam ở Thiên Chúa, diễn đạt bằng một ngôn ngữ Việt Nam: ngôn ngữ của thi ca. Đó là điều tôi muốn trình bày qua một dàn bài bình dị: tôi chỉ khai triển thêm một câu của Hàn Mặc Tử trong lời Tựa: *Người đang say sưa đi trong Mơ Ước, trong Huyền Diệu, trong sáng láng và vượt hẳn ra ngoài Hư Linh...* (tr 7) trong đó người đọc gặp lại những chủ đề cương lĩnh của Kinh Thánh: một vũ trụ ngậy thơ đồ vỹ vì nguyên tội; những khổ hạnh của thân xác như một kinh nghiệm của *Mơ Ước và Huyền Diệu*; để vươn tới một thế giới khác sáng láng, ngoài Hư linh, thế giới của Phục Sinh, của Khải Huyền. Ba giai đoạn

đó là cơ cấu của đời thơ Hàn Mặc Tử. Vũ trụ *Gái Quê* đã sụp đổ trong *Đau Thương* mà nhà thơ đã chịu đựng để đợi sống lại một mùa *Xuân Như Ý*.

*

Ai nói vườn trăng là nói vườn mơ. Ai nói bến mộng là nói bến tình. Người thơ là khách lạ đi giữa nguồn trong trẻo. Trên đầu người là cao cả, vô biên và vô lượng; chung quanh người là mơn trớn với yêu đương...

Những dòng mở tác phẩm không khỏi làm ta nhớ đến thiên *Sáng Thế Ký* mở đầu *Cựu Ước*.

Nhưng vườn đây không nằm ở hướng đông như vườn Eden (Gen II, 8), mà chỉ là một *vườn mơ, bến mộng*, niềm nhớ nhung đằng đẵng về một hạnh phúc nguyên thủy. Hạnh phúc của *nguồn trong trẻo*, mà loài người phải từ giã ra đi, và bị cấm cản đường về (Gen III, 24). Nguồn ở đây là dòng sông trước khi chia ra làm bốn nhánh, tưới vườn Eden bằng *tình yêu cao cả, vô biên và vô lượng*, chưa bị giới hạn vì nguyên tội, khi con người chưa khó nhọc, chưa đổ mồ hôi, chưa biết chông gai và mùi cát bụi (Gen III 17, 18 và 19). Bài tựa của Hàn Mặc Tử đã mơ ước khôi phục lại mùa xuân trinh nguyên của ngày sáng thế, đầy *thinh sắc, tinh hoa và châu báu*, như nhũ hương và bích ngọc bên bờ nhánh sông thứ

nhất (Gen II, 12). Thơ Hàn, cũng như *lòng lê thứ*, nói như Pascal, là niềm hoài vọng bất lực về một hạnh phúc sơ khai, một tráng lệ đã phôi pha.

*Còn đâu tráng lệ những thời
xanh*

Mùi vị thơm tho một ái tình

Đổ kiếm cho ra trong lớp bụi

Ít nhiều hơi hám của kiên trinh

(tr 32)

Sau khi phạm trái cấm, loài người không những mang nguyên tội ra khỏi địa đàng rồi dựng lại một bình an khác. Với tội kiêu lảnh, loài người phải chịu bao nhiêu là hưng phế: từ Hồng Thủy cho đến

cơ thịnh nộ của Thiên Chúa hủy hoại tháp Babel, thành Sodome và Gomorrah, bao nhiêu lớp bụi phế hưng đã lấp mất cánh đồng xanh lẫn hơi hám của kiên trinh.

Hồn xưa tự ấy không về nữa

Ở cõi hư vô dấu đã chìm

(tr 32)

Dân Do Thái, lưu linh còn hy vọng có ngày tìm về Đất Hứa, còn con người đã vĩnh viễn đánh mất tất cả tráng lệ của thời mình. Nhưng thơ Hàn Mặc Tử vẫn là một mơ ước, một đón đợi, Cự Uớc là sự chờ đón đáng Cứu Thế. Trong Gái Quê là những bài đầu Đau Thương, thơ là niềm mong đợi

Trước sân anh thơ thần

Đăm đăm trông nhận về

(tr 21)

Ngày xuân mong đợi đó còn
thuần lương, còn là một mùa xuân
ngoại đạo — một thứ printemps
païen — hồn nhiên và vô tư lự, như
tất cả những hội hè của mùa xuân
Việt Nam.

Trong làn nắng ửng khói mơ tan

*Đôi mái nhà tranh lấm tấm
vàng.*

Sột soạt gió trêu tà áo biếc

*Trên giàn thiên lý — Bóng xuân
sang*

Sóng cỏ xanh tươi gọn tới trời

Bao cô thôn nữ hát trên đồi

*Ngày mai trong đám xuân xanh
ấy*

Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi.

Cái hồn hậu đó, như Hoài Thanh đã nói “chỉ là một mùa xuân đầu năm, tôi nói thêm là một u minh đợi chờ để nở một mùa xuân sáng thế “hồi trời đất mới dựng lên hay mùa xuân tái tạo “ra đời một lần với chúa Jesus”¹²

Khác biệt đó không có gì mâu thuẫn và Hoài Thanh cũng không cần ngại người đồng đạo với nhà thơ sẽ “khó dễ vì một hai dấu tích Phật giáo còn sót lại”¹³. Quách Tấn

¹² Hoài Thanh và Hoài Chân, sđd, tr 211.

¹³ như trên

còn cực đoan hơn : “Tôi nhận thấy vang bóng của đạo Phật có phần đậm hơn đạo Thiên Chúa”¹⁴. Sự phân lượng e rằng khó chính xác nhưng vết tích Phật giáo và ngay cả Lão giáo, Khổng giáo trong thơ Hàn Mặc Tử đậm đà, từ trong rung cảm đến ngôn ngữ. Điều đó không có gì nghịch lý cả; hạt mầm Thiên Chúa, khi nảy nở trên đất Việt Nam thì tự nhiên thích ứng với khí hậu, phong thổ.

Gần đây, tôi có được đọc tác phẩm của linh mục Jacques Dournes nói về việc truyền giáo tại bộ lạc Jorai, Cao nguyên Trung phần. Sách có nhiều điểm tế nhị và sâu sắc, nhằm bảo vệ truyền thống một chủng tộc: “Cơ quan

¹⁴ Văn, số đặc biệt HMT, đã dẫn, tr 120.

hành chánh phát cho dân Jorai hạt giống bông vải gốc Phi châu, năng suất cao hơn giống địa phương; dân Jorai đã gieo đã hái, nhưng chỉ một lần thôi rồi không tiếp tục. Lý do là họ phải nhuộm chỉ trước khi dệt, và thuốc nhuộm làm bằng lá cây của họ không ăn vào chỉ bông nhập cảng. Họ lại phải trở lại với giống bông cũ. Từ đó tôi không quên bài học bông vải”¹⁵. Và tôi lại càng không dám quên khi viết bài này.

Theo Quách Tấn, gia đình Hàn Mặc Tử (dường như) theo Thiên Chúa từ đời nội tổ Tử, tên Phạm Bồi, vì liên can quốc sự nên đổi theo họ mẹ; rồi được một linh mục Pháp đồ đầu rồi lập nghiệp tại

¹⁵ Jacques Dournes, Dieu Aime les Paiens, Aubier 1963, tr 149.

Thừa Thiên, thân sinh Hàn Mặc Tử là Nguyễn Văn Toàn học Đại Chung Viện, Huế, đến chức Thầy Tư rời bỏ ra đời¹⁶. Ông sinh hạ được năm người con và đặt tên là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín và Hiếu. Tôi dài dòng như vậy để trình bày không khí và giáo dục gia đình nhà thơ, một mảnh đất mới đang hấp thụ đức tin, đang dần dần thấm nhuần ơn trù mền.

Tôi là trăng cổ độ

Lượng trời rộng bao la

(tr 34)

Phải, lòng chàng là bến đợi. Trong những kích thước mộng mên; có thể là một trời thu man mác; có thể là một hàng cau nắng

¹⁶ Văn, sđd, tr 47.

mới lên; thường thường là một
đêm trăng sao đắm đuối. Vàng,
như đón từ xa. Như đợi từ xa:

Cho ta nhận lấy không đền đáp

*Ơn trọng thiêng liêng xuống bởi
trời*

(tr 44)

Nhưng chàng đã đền đáp. Bằng
tất cả. Đau thương: tiếng Thơ và
cuộc Sống. Chàng đã đem cuộc đời
để trả lời ơn phước cả đang ngân
vang trong màu nhiệm phủ ban
đêm, một tiếng gọi của thượng
tàng không khí. Từ lúc nhận điềm
có tiên tri thì vũ trụ *Gái Quê* và
những bài *Đau Thương* đầu tiên
nhuộm cái ý thức nguyên tội, người
lương sẽ gọi là mặc cảm tội lỗi.

Những bài đó gợi cảm giác có tội trước khi phạm lỗi. Vũ Ngọc Phan và Hoài Thanh đồng ý rằng tập Gái Quê thiên về dục tình; có lẽ ta cần minh định thêm về khuynh hướng ấy. Một người chỉ xin hoa đèn ngự và lòng ni cô thì dục tình... đi tới đâu? Tôi xin giải thích thêm về điểm này:

Mới lớn lên trắng đã then thò

Thơm như tình ái của ni cô

(tr 29)

Tại sao trắng lại phải then thò? Then thò là cảm giác của Adam và vợ khi đóng khố che thân lánh mặt Đức Chúa Trời (Gen III, 7-8) sau khi ăn trái cấm. Adam then thò vì đã phạm tội. Còn trắng việc gì mà

phải then thò nhất là khi mới lớn lên? Sự then thò của thân thể đó, chúng ta đã thừa kế của Adam, cho nên tôi mới nói không khí rạo rục trong Gái Quê là di sản của nguyên tội. Những câu thơ Vũ Ngọc Phan cho là “gợi tình, thiên về xác thịt”¹⁷ là một dục vọng, nhưng đồng thời cũng là một cảm đoán, một ghê lạnh:

Da thịt trời ơi trắng rợn mình

Hàn Mặc Tử nhắc đến tình ái của ni cô, hay da thịt nàng đầu để gọi lên cái vô tội của mình trong một thế giới đã hư hỏng vì nguyên tội, mà mình phải gánh chịu. Ngay trong giáo lý, dục tình, tự nó, không phải là tội lỗi : “Đó là một căn bệnh, chứ không phải là tội lỗi. Tuy

17 Vũ Ngọc Phan, sđd, tr 326

nhiên căn bệnh đó là hình phạt của một tội lỗi.”¹⁸ — tác giả muốn nói là nguyên tội; và “dục tình, bản năng sinh lý như ta thường thấy là tiếng gào phản kháng của một hình hài bị thương tổn.”¹⁹.

Nhà thơ dự phóng những rạo rực của bản năng ra ngoài vũ trụ; cái nhìn của chàng vượt ve, mơn trớn với yêu đương, tất cả tạo vật. Từ ánh trăng, đến cành liễu, mặt hồ, cơn gió, cho đến bài thơ của người yêu, tất cả đều có nhiệt độ nồng nàn của da thịt, tất cả đều tương giao trong nguồn ái ân bởi trăm dây quyến luyến :

18 J.E. KERNS, S.J, *Les Chrétiens, Le Mariage et la Manualité*. Edit. du Cerf, 1966, Paris. tr. 93.

19 J.E. KERNS, S.J, *sdd*, tr 94.

*Trăng nằm sóng soải trên cành
liễu*

Đợi gió đông về để lả lơi

*Hoa là ngây tình không muốn
động*

Lòng Em hồi hộp, chị Hằng ơi!

(tr. 22)

Dục tình trong đoạn thơ nằm trước hết trong cách chọn những chữ gợi tình, khi đi đôi với nhau như trăng và gió, trong thành ngữ phong nguyệt hay gió giăng. Hoặc trăng và hoa, hoặc liễu và hoa, trong những hình ảnh nguyệt hoa hay ghẹo nguyệt trên hoa, hay liễu ngổ hoa tường. Đoạn thơ lại khêu gợi bằng những hình ảnh táo bạo đến suồng sã như nằm sóng soải, lả lơi,

ngây tình; cuối cùng cơn mê đắm còn biểu lộ trong những ý tưởng lộ liễu đến sỗ sàng. Tất cả những chữ, những hình ảnh, những ẩn dụ, những ý tưởng đó giao thoa thành một không khí lơ lửng, vừa cợt nhả vừa tinh tế, tuy có suồng sã nhưng không phải là không khéo léo. Thơ gọi tình của Hàn Mặc Tử có lẽ táo bạo vào bậc nhất trong thi ca mới; cái tài tình của ông là táo bạo đến đâu vẫn còn ý nhị. Một lối suồng sã mà không sống sượng, như ở Xuân Diệu chẳng hạn :

Hãy sát đôi đầu, hãy kề đôi ngực...

một cử chỉ, câu nói sống sượng khi tự nó, nó nói hết những điều muốn nói, và đôi khi còn nói luôn

những điều không muốn nói. Ở Hàn Mặc Tử – ít ra ở những bài còn lưu truyền đến ngày nay – dù hở hang đến đâu, vẫn còn cái úp mở của một ngôn ngữ ý nhị và tình tứ. Chúng ta không còn những bài như *Hát Giã Gạo* trong tập *Gái Quê* đã làm cho Vũ Ngọc Phan “lợm giọng”, nhưng dù muốn dù không, ta phải công nhận nhà thơ có một quan niệm luyện ái thánh thiện, lành mạnh đến bệnh hoạn:

Cho nên tôi tưởng tối tân hôn

Chưa tới, còn xa để được buồn

*Để sống trong niềm thương nhớ
đã*

*Để còn mừng tượng đến giai
nhân*

(tr 28)

Độc Hàn Mặc Tử ta có cảm giác một sự giằng co giữa con người phóng túng và con người khắc khổ? Cái giọng tình của ông, dù có cọt nhả đến đâu, cũng chỉ tả một thứ tình hàm thụ, một lối ái ân không tưởng, một môi giới giữa nhân sinh và tạo vật. Nói gọn hơn, nó không thể tự mãn, trong một thế giới không tự mãn.

Vì vẫn còn là một thế giới đợi chờ, trong im lặng linh thiêng, bằng tất cả trực giác của trăm sao đắm đuối.

Không một tiếng gì nghe động chạm

Dấu là tiếng vỡ của sao băng

(tr 27)

Một đêm thao thức đợi chờ Diêm La, trong lòng vũ trụ còn say chìm nơi bất giác, nhưng đã được các tiên tri chuẩn bị để đón mừng Ngôi Hai.

Hàn Mặc Tử mô tả thế giới đợi chờ đó trước hết bằng di sản hồn nhiên của một nền văn hóa ngoại đạo nhưng niềm nở và hướng thượng; thứ đến bằng đức tin nuôi dưỡng trong Phúc Âm; hai phụ lưu sung mãn đó đã đổ vào hồn thơ của Hàn Mặc Tử, như một dòng sông vừa nhận được cơn nước nguồn thác lũ bỗng phải vượt qua một địa thế hiểm nghèo: bệnh phong nan y đã biến nguồn thơ hồn hậu đó thành một cuồng lưu khốc liệt, nếu không phải là một vũng nước xoáy.

Đau Thương. Tên một tập thơ, và tên một định mệnh. hay tiếng gầm của một cuồng lưu lâm vào tuyệt địa. Chúng ta nói qua sự đau thương trong cuộc đời. Rồi trong thơ.

Hàn Mặc Tử nhuộm bệnh từ năm 1936. Hăm bốn tuổi, tuổi hoa đang phát tiết. Khi biết mình mang bệnh hiểm nghèo, Tử hết sức đau đớn, đau đớn đến phát điên. Thường ngày những cơn thác loạn nổi dậy, khi nhiều khi ít. Nhưng ngày rồi ngày nổi đau khổ hết phát hiện ra ngoài một cách bông bột, lại ăn sâu vào tâm hồn và ngấm ngấm nung nấu nạn nhân, nung nấu đến

tốt độ²⁰. Hàn Mặc Tử nhiều lần mô tả những đớn đau của thân xác:

Thịt da tôi sượng sần và tê điếng

Tôi đau vì rừng rợn đến vô biên

(tr 53)

Bên cạnh những hành hạ của bệnh trạng, Hàn Mặc Tử còn phải đương đầu với hai hậu quả khác của hoàn cảnh: nghèo túng và tuyệt vọng vì tình. “Hiện nay Trí về tạm ở nhà. Cái nguyên nhân là không tiền uống thuốc.” “Bữa nay Trí xuống nhà bà thầy thuốc rồi. Có một mái nắng dọi nhiều quá. Cả buổi chiều nếu ở trong nhà thì phải đội mũ²¹. Chúng ta còn có nhiều tài liệu khác về nỗi cùng khốn của nhà

20 Quách Tấn, VĂN, sđd, tr 81.

21 Trần Thanh Mai, sđd, tr 73.

thơ, qua những bức thư gửi Trần Thanh Địch. Về cuộc tình duyên đau khô với Mộng Cầm, chúng ta cũng có nhiều tài liệu. Đại khái hai bên yêu nhau khăng khít, thề bồi dũ dôi lắm, hẹn hò nhau từ Phan Thiết ra đến Qui Nhơn; khi Hàn Mặc Tử chịu tang cho anh, thì Mộng Cầm tự xin phép được “thành tâm cư tang cho ông anh một năm cũng như anh”, vì người cầm bút biên mấy hàng trên đây là người em dâu chắc chắn, nhất định của ông anh rồi. Vậy ông anh nên phù hộ cho chúng em thương nhau cho đến bạc đầu.”²² Khi biết chàng lâm trong bệnh, thì nàng “thề bồi lại một lần nữa đậm đà hơn.”²³ Để rồi sáu tháng sau nàng đi lấy chồng.

22 Thư MC, do Trần Thanh Mại trích, sđd, tr 94.

23 như trên

Trần Thanh Mai cho rằng nàng không đáng trách. “Duy có cái nàng lấy chồng hơi gấp đấy thôi.” [Trần Thanh Mai, sđd, tr 95.] Quách Tấn cũng cho biết là thái độ của Mộng Cầm đã gây cho nhà thơ “một nỗi buồn thương vô hạn”, “một phản ứng mãnh liệt”, “những tiếng kêu rên thống thiết”²⁴.

Trời hỡi nhờ ai cho khỏi đói ?

Gió trăng có sẵn làm sao ăn?

*Làm sao giết được người trong
mộng*

Để trả thù duyên kiếp phụ phàng

(Trần Thanh Mai, tr 95)

²⁴ Quách Tấn, Văn, sđd, tr 88.

Tiếng kêu trầm thống đó chất chứa cả kiếp cùng khổn vật chất lẫn tinh thần, cho đến ngày bị con bệnh tàn phá đến thảm thê, theo thư một người bạn thân, cùng bị hủy, kể lại “hai mắt nằm lọt vào hai lỗ hũm sâu hoắm, đến không còn mở ra được. Thân hình chỉ có da bọc lấy xương, chân tay thi co rút lại, mà đầu tóc bù xù rối trết lại từng vè, trong ấy nhô nhúc những chí là chí” (thư của ông N.V.Xê, đề tại Quy Hòa ngày 25-3-1941)²⁵. Tôi tưởng không có gì thê thảm hơn tình trạng bằng hoại đó. Ấy thế mà Hàn Mặc Tử đã can đảm chịu đựng cái cảnh làm ta phải rùng mình, vui vẻ chịu đựng nữa là khác: Tuy cực khổ thế mà tôi vẫn an vui, ngày nào cũng có cười cả. Nếu không cười

25 Trần Thanh Mai, sđd, tr 193.

với ai, thì cười một mình, xem ra thú vị không biết mấy²⁶. Niềm an vui đó Trần Thanh Mại, người biết cuộc đời thật của nhà thơ cho là “yêu quái” là “kinh dị”. Còn Vũ Ngọc Phan, chỉ biết Hàn Mặc Tử qua một số thi phẩm cũng không khỏi ngạc nhiên: “một người mang bệnh rất đau đớn mà có một tâm thần thư thái, bình tĩnh như thế, thật cũng lạ.”²⁷ An vui của Hàn Mặc Tử không phải cay đắng, gượng gạo, có khi nổ tung ra trong những câu thơ hờn hở:

Hôm nay vui quá Anh Phùng ơi

Buồn xa không đến, lệ không rơi

*Buồn không thắt ruột, tình
không lại*

26 Trần Thanh Mại, sđd, tr 121.

27 Vũ Ngọc Phan, sđd, tr 330.

Cười nói làm sao cho hả hơi ?

(Trần Thanh Mại, tr 122)

Họ Trần phê bình là “Đau thương giam cầm không kỹ, thoát lọt ra trong một biến thể mới, dị kỳ, quái gở, thật đã đáng rùng mình.” Sở dĩ ông không hiểu can đảm của bệnh nhân, theo tôi, là vì ông không hiểu sức mạnh của đức tin trong con người Hàn Mặc Tử. Khi đề cập đến vấn đề này, Hoài Thanh, cũng là người ngoại đạo, nhưng tinh tường hơn Trần Thanh Mại, thừa nhận ngay: “Thiếu lòng tin tôi chỉ là du khách bỏ ngõ” [Hoài Thanh và Hoài Chân, sđd, tr 212.] còn họ Trần thì cứ phán đoán âm ỉ cả lên. Nhưng nhờ có ông mà chúng được một dữ kiện về đời sống tín ngưỡng của nhà thơ:

“Trong khi sưu tầm tài liệu về nhà thi sĩ, tôi có tìm thấy trong một nhà trọ của chàng, một mẫu báo dán trên khung cửa sổ tre, đã nhàu nát vàng vọt, và nhìn lỗi in chữ và hình ảnh tôi biết ngay là báo “Vì Chúa”. Đoạn bài đăng trong mẫu báo ấy nói về nguồn an ủi trong bệnh tật cho rằng sự đau ốm là do Đức Chúa Trời ban xuống cho ta, để thử lòng ta nên chẳng những là ta phải chịu một cách nhẫn nhịn mà lại còn nên vui vẻ bằng lòng nữa.”[Trần Thanh Mai, sđd, tr 120.] Căn cứ trên đoạn này tôi cho rằng tác giả không mấy thông thạo giáo lý Kitô giáo. Nếu bài báo ấy — Vì họ Trần, mãi cho đến ngày nay ở Hà Nội vẫn có cái có thật cố tật rất bậy là ưa bịa đặt tài liệu²⁸ thì chúng ta

28 Nguyễn Công Hoan, tạp chí Văn Nghệ Hà Nội số

rất tiếc rằng họ Trần không trích dẫn chính xác, cho biết rõ xuất xứ, tìm xem báo “Vì Chúa” số mấy, ngày mấy... Hoặc ít nhất cũng cho ta nguyên văn. Vì theo kiến thức thô thiển của tôi, thì không có kinh sách nào dạy rằng “sự đau ốm là do Đức Chúa Trời ban, và chúng ta phải vui vẻ bằng lòng”. Nhưng vấn đề ở đây không phải là cãi nhau về giáo lý, vừa ngoài phạm vi bài báo và thẩm quyền của tôi. Vấn đề là, như Trần Thanh Mai đã nói, đức tin “đã có ảnh hưởng tốt đẹp đối với chàng”. Quách Tấn xác nhận điều này: «Tử tìm được niềm an ủi lớn nhất trong nguồn Đạo. Khi đã sống cùng Đạo thì tâm hồn Tử

67. tháng 12, 1962 và 68 tháng 1-1963 về Tú Xương. Tôi đã có đề cập tới trong Văn số 163 ngày 1-10-1970.

hết bị ray rút dày vò”²⁹. Chính nhà thơ đã kể lại một ngày bệnh tật của mình: “Lại đọc kinh, lại ngâm thơ, lại làm thơ, lại nhớ, lại nằm. Buổi tối khi ăn xong, cũng vừa đi bách bộ vừa ngâm thơ một cách sung sướng nhất đời. Cả ngày chỉ ngâm thơ và đọc kinh là nhiều hơn cả. Ngày nào cũng như ngày ấy, không thấy buồn lắm, và ngày nào cũng mong mỗi một cái gì...”³⁰ Đối với Hàn Mặc Tử, Thơ là Đạo và Đạo là Thơ, Thơ đã đạt tới Đạo và Đạo để đi tới Thơ, hoặc như Hoài Thanh đã nhận xét chí lí: “Thơ chẳng những để ca tụng Thượng Đế mà cũng để nói liền người ta với Thượng Đế.”³¹

Thơ đưa về Đạo, là nẻo đường

29 Quách Tấu, Văn, sđd, tr 116.

30 Trần Thanh Mại trích, sđd, tr 120.

31 Hoài Thanh và Hoài Chân, sđd, tr 211.

đưa đến Con Đường. Thơ là giải thoát tạm thời của Đau Thương, trong khi chờ đợi Đạo là Cứu Rỗi miên viễn. Ngày nào cũng mong mỗi một cái gì. Nếu Gái Quê, như tôi đã trình bày ở đoạn trên, là thế giới đợi chợ Diêm Lạ, đợi chờ Chúa Ra đời thì Đau Thương là một tâm hồn mong mỗi Ngày Chúa trở lại (Mt 24-42). Hàn Mặc Tử chấp nhận bệnh tật không phải là vì “do Đức Chúa Trời ban xuống” như Trần Thanh Mại đã nói, nhưng trước hết vì nó là hậu quả tất nhiên của nguyên tội và thứ đến vì nó là phương tiện thân xác mà Chúa đã dùng để cứu thế. Linh mục Charles Journet, giáo sư Đại Chung Viện Fribourg đã trình bày vấn đề một cách mạch lạc và nhất quán trong tác phẩm về thống khổ: “Chúng ta

xem khổ ải của thân xác như một mãnh lực hợp-cứu-thể vì chúng ta tham dự vào đau đớn và huyết mạch của Chúa Kitô. Vậy không có vấn đề đau đớn mà chỉ có huyền nhiệm đau đớn của Chúa Kitô và trong sự tham dự của chúng ta. Như vậy không nên nói đến chấp nhận Đau Thương mà chỉ nên nói đến gia nhập vào công đức cứu rỗi chúng ta không chấp nhận (accepter) vì nó là một định luật của thể xác; chúng ta thu nhận (adopter) vì nó nối liền ta với bản thân Thiên-Chúa-hiện-làm-người.”³²

Đoạn trên rọi sáng lời truyền dạy của sứ đồ Saint Paul trong thư gửi cho người La Mã: “Những đau

32 Charles Journet, *Le Mal*, essai théologique, từ sách giáo lý, Desclée de Brouwer, Bruges, Bỉ, 1961, tr 271.

khổ hiện tại không có nghĩa lý gì so với những vinh hiển phải được thể hiện trong mỗi chúng ta. Mỗi hình hài chờ đợi là một khát vọng sự thể hiện con cái Đức Chúa Trời, với Mơ Ước được giải thoát ra khỏi hư nát, và đạt tới tự do vinh hiển của con cái Đức Chúa Trời. Vì chúng ta biết rằng hình hài, đến nay vẫn rên xiết trong công trình thai nghén” (Rom, VIII, 18-22). Đau Thương hôm nay là thai nghén cho ngày mai, thai nghén một mùa Xuân Như Ý. Người đi trong Mơ Ước... Người Ki-tô giáo quan niệm đau thương như một huyền nhiệm, nhưng hữu hạn, trước Thượng Đế là một huyền nhiệm, vô hạn. Tôi thành thật nghĩ rằng Hàn Mặc Tử đã an vui được trong Đau Thương – một hoàn cảnh thể xác, vật chất và tinh thần làm

chúng ta phải rùng mình – là nhờ huyền nhiệm đó, nhờ sức mạnh của xác tín. Có lẽ xác tín đó, cộng với bệnh trạng, đã tạo một linh thị cho nhà thơ. Trần Thanh Mai và Quách Tấn đồng ý “là mỗi lần chàng chết đi sống lại (trong mấy năm bệnh chàng bị chết đi sống lại đến bốn năm lần) là chàng đều cảm thấy có bà Thánh Nữ Đồng Trinh Maria đến cứu”³³. Theo Quách Tấn thì bài thơ trứ danh “*Maria! Linh hồn tôi ớn lạnh*” được viết khi Tử sống lại, trong cảnh đó³⁴.

Dù cho rằng mộng mị chỉ là một biến thể của bệnh trạng, thì dưới ánh sáng của khoa phân tâm, ta có thể đi đến cội rễ của mộng mị, dù xa lạ đến đâu. Cội rễ ở đây,

33 Trần Thanh Mai, Sđd, tr. 130.

34 Quách Tấn, Văn, Sđd, tr. 75.

là xác tín trong tâm hồn Hàn Mặc Tử, người đã cam chịu hư nát để chuẩn bị một vinh hiển. Thật ra, niềm tin vào cuộc tồn sinh mai hậu, của linh hồn, ở một thế giới khác, không phải đặc biệt của Thiên Chúa giáo. Trong hầu hết các tín ngưỡng tự nhiên của dân gian, nước nào cũng vậy, đều có mầm hy vọng ở một đời sống khác. Chỉ nói đến vòng đai tôn giáo chung quanh Thiên Chúa, chúng ta đã có thể kể tư tưởng Assyrien, Babylonien, và nhất là Ai Cập đều có niềm tin đó, như muốn Ra khỏi gian và vượt hẳn thượng tầng. Đức tin của Hàn Mặc Tử không phải ở chỗ mong hồn tới tập đến ở ngoài kia vũ trụ, mà ở chỗ tìm gặp Một Người ở cõi quá thình gian; Hàn Mặc Tử tìm tới chốn chiêm bao ngoài sự thực

không phải vì chiêm bao đẹp hơn
sự thực vì ứ đầy hơi khoái lạc mà
chỉ vì :

*Vì có đang hằng sống, hằng Ngự
Trị*

*Nhạc thiên liêng đồn trời khắp
hư linh*

(tr. 59)

Bài *Ngoài Vũ Trụ*, mà tôi đã
trích các câu trên, tiếp theo hai
bài *Hồn lìa khỏi xác* và *Siêu Thoát*
soi sáng ý nghĩa của những bài
Đau Thương và báo hiệu cho *Quần
Tiên Hội*, *Cẩm Châu Duyên* và *Xuân
Như Ý*. Vậy ta có thể đề cập đến
một kiến trúc trong thi phẩm *Hàn
Mặc Tử* không? Đặt dấu hỏi vì tôi
ngờ rằng sự sắp xếp thứ lớp trong

tập thơ không phải do thi sĩ, mà những người phụ trách tái bản thơ ông, tức là Quách Tấn hay Hoàng Trọng Miên gì đó. Do đó, tôi không dám dựa trên trật tự cụ thể của tập thơ để nói đến kiến trúc, như Marcel Ruff đã nói về “Architecture Secrète” khi trình bày nhất quán thi phẩm “Les Fleurs du Mal” của Baudelaire. Tôi vẫn theo lối sắp xếp trong ấn bản Tân Việt, vì nó phản ánh thứ tự biên niên trong quá trình sáng tác; tôi nghĩ ít ai bác bỏ thuyết cho rằng Gái Quê sáng tác trước Đau Thương; và Cẩm Châu Duyên, Duyên Kỳ Ngộ sáng tác sau cùng, thời kỳ nhà thơ viết Thương Thương. Nhưng dù sao tôi cũng dè dặt để mong các nhà biên khảo sau này có nhiều sử liệu đích xác hơn tôi, sẽ đào sâu cơ cấu mạch lạc của

vũ trụ Hàn Mặc Tử, trên bình diện này hay bình diện khác, hoặc trong nguồn sáng tạo toàn diện thì càng đẹp.

Khi đề cập đến kinh nghiệm đau thương của Hàn Mặc Tử tôi tiếc chưa được đọc bài của Võ Long Tê, một chuyên gia về văn chương Thiên Chúa giáo về vấn đề này; nghe nói bài sắp sửa đăng báo, tôi đợi hoài chưa thấy. Tôi thấy cần nói thêm: Không riêng gì Phúc Âm, những tín ngưỡng khác của người Á Đông cũng tìm một giải đáp cho đau thương; Phật giáo thì cho đó là những đợt sóng triền miên của Mê Hà hay Khô Hải; Lão giáo thì cho đó là định luật của Vô Tri. Cái trường của nhà thơ là do đức tin vững chắc ở Đấng Cứu Thế, và đức

tin đó đã được bồi dưỡng trong cái Dũng của triết lý Đông phương, lẫn cái kiên trì trong lòng dân tộc. Nói đến xác tín của Hàn Mặc Tử không phải là tôi không biết (hay tệ hơn nữa, tôi không nhớ) đến những giá trị bằng hữu kia. Khi suy nghĩ về khổ lụy của nhân sinh, tôi đọc lại kinh Coran của Hồi giáo thì có cảm giác như là họ không chấp nhận Khổ đau như người Ki-tô giáo hay người Á Đông, vì họ cho là do sự hành hạ của Thượng Đế. Vậy trong Hàn Mặc Tử có sự giao hòa giữa một đức tin sung mãn và một tâm hồn niềm nở, tạo ra một nguồn thơ hết sức sâu xa.

Trong tinh thần Phúc Âm, Hàn Mặc Tử đã sống trọn vẹn Đau Thương của hiện thế, trước hết, vì

đó là phương tiện Chúa đã dùng để Cứu Thế, thứ đến để chuẩn bị cho vinh hiển mai sau, như lời giảng trên núi, sửa soạn cho Ngày sống lại với Đấng hằng Sống, hằng Ngự Trị. Nhưng trên bình diện sáng tạo, quan niệm Đau Thương đó đã thể hiện ra sao? Tôi tiếc không được đọc bài báo của Lê Tuyên về những chủ đề trong thơ Hàn Mặc Tử, đăng trên tạp chí Đại Học Sư Phạm cách đây bảy tám năm gì đó. Nay tôi lại đề cập lại vài hình tượng quen thuộc trong thơ Hàn Mặc Tử như Trăng, Máu và Hồn.

*Trăng! Trăng! Trăng ! Là Trăng,
Trăng, Trăng!*

Đó là điệp khúc độc điệu của một ngư phủ, theo lời kể của Quách Tấn. Đó cũng là khúc nhạc lòng của nhà thơ. Trăng là một thứ ánh sáng vừa của nội tâm, vừa của ngoại giới. Ở đây chúng tôi chỉ đề cập tương quan giữa những hình ảnh thi ca và đức tin.

Ảnh hưởng của đêm trăng đối với bệnh phong đã được ông Trần Thanh Mại khai triển đầy đủ. Còn nét quyến rũ muôn đời của ánh trăng đối với thi nhân thì viết bao nhiêu pho sách cũng còn điều chưa nói. Nhưng không thể nói đến thơ Hàn Mặc Tử mà không đề cập tới trăng, vì theo Trần Thanh Mại thì

hai phần ba tập “Đau Thương” nói về trăng, nửa phần còn lại nói về hồn³⁵.

Trăng, trước hết là ánh sáng tràn ngập cả vũ trụ Hàn Mặc Tử.

Gió lùa ánh sáng vô trong bãi

*Trăng ngậm đầy sông chảy lảng
lai*

(tr 51)

Trăng là thứ ánh sáng êm dịu, màu nhiệm phủ ban đêm, đối với ánh sáng chói chan bóng râm của mặt trời nhiệt đới; Trăng tạo thi vị cho bóng tối tại những vùng nông nghiệp có sinh hoạt về đêm, và như Xuân Diệu kể, thì có “trăng của tình duyên, trăng của xa xôi,

35 Trần Thanh Mai, sđd, tr 61.

trắng của hão huyền” và “trắng của những đèn đài mỏng thoáng.” Văn học của chúng ta, từ xưa đến nay, vẫn le lói những ánh trắng bất tận. Tôi không dài dòng về địa hạt rộng rinh không bờ bến này, chỉ muốn đề cập đến khía cạnh tượng trưng của ánh trắng trong giáo lý.

Trắng trước hết là Ánh Sáng, một chủ đề rọi suốt mặc khải Kinh Thánh, từ ngày thứ nhất của sáng thế, khi Đức Chúa Trời phân định ánh sáng và bóng tối, (Gen I, 3-4), cho đến chương cuối cùng của Khải Huyền, khi con người, trong trời đất mới, hưởng được một ánh sáng miên viễn (Ap. XXII, 5). Như vậy thế giới di chuyển từ một vùng ánh sáng tương đối, ánh sáng vật chất đối với bóng tối ban đêm, đến

một ánh sáng tuyệt đối, ánh sáng vĩnh cửu ngay trong châu thân Thiên Chúa, vì “Ngài là Sự Sống mà Sự Sống là Ánh Sáng” (Jean I, 4) Về quá trình từ tương đối nọ đến tuyệt đối kia là sự phấn đấu không ngừng giữa ánh sáng và bóng tối, tựa hồ như cuộc phấn đấu giữa nguồn sống và cõi chết. Ở Hàn Mặc Tử, ánh trắng là một thứ Ánh Sáng đang tương tranh cùng Bóng Tối, trong một tư thế bi thảm, khác với mặt trời là chiến thắng -dù là tạm thời – của Ánh Sáng.

*Ánh trắng mỏng quá không che
nổi*

Những vẻ xanh xao của mặt hồ

Những nét buồn buồn tơ liễu rũ

Những lời năn nỉ của hư vô

(tr. 30)

Mâu thuẫn tâm cảm của nhà thơ là vừa yêu bóng đêm - vũ trụ Hàn Mặc Tử là một vũ trụ về đêm - vừa yêu ánh sáng, và vươn tới một nguồn chói lọi.

Ta ước ao đầu đội mũ triều thiên

Và tắm gội ở trong nguồn ánh sáng

(tr. 59)

Sự thật mâu thuẫn đó nằm trong những hình ảnh đa nghĩa của Kinh Thánh, vì bóng tối cũng là một sáng tạo của Đức Chúa Trời (Gen I, 1-2). Từ Điển Giáo Lý Kinh Thánh khai triển điểm tế nhị đó

như sau: “Bóng tối tượng trưng cho một kinh nghiệm kếp hoặc nó xác nhận không có ánh sáng, hoặc bao hàm sự biện hữu của ánh sáng. Con người muốn có ánh sáng tràn đầy nhưng tìm đến bóng tối; Chúa là ánh sáng, là lửa bóng, mà cũng là bóng mát. Kinh Thánh lý theo sự đa nghĩa đó.”³⁶ Chúng tôi muốn đề nghị một ý nghĩa mới cho ánh trăng. Ở Hàn Mặc Tử trăng là một sự tương tranh đồng thời tương ứng giữa ánh sáng biết và bóng tối, vừa tương khắc vừa tương sinh. Trăng là Bóng Tối hết là Bóng Tối và Ánh Sáng chưa đủ là Ánh Sáng. Trong biện Chứng Sáng — Tối đó, tâm hồn Hàn Mặc Tử vẫn được xác định bằng Ánh Sáng, tức là “con của

³⁶ Vocabulaire de Théologie Biblique, Edit, du Cerf, Paris 1002, tr. 714.

Ánh Sáng”, khác với con của bóng tối hay “con của Hiện Thế” (Luc, XVI, 8). Vậy nhà thơ là Ánh Trăng, vì chàng là con của Ánh Sáng.

*Không gian đầy đặc toàn trắng
cả*

*Tôi cũng trắng mà nàng cũng
trắng*

(tr. 30)

Vì, bên dưới bình diệp siêu hình, về mặt đạo đức, vẫn phải có sự phân biệt giữa bóng tối và ánh sáng (II Co VI, 14) giữa ánh sáng chân chính và giả trá (II Co XI, 14)

*Và tình ta sáng láng như trăng
thanh*

(tr. 55)

Thỉnh thoảng Hàn Mặc Tử không ngại mượn một vài hình ảnh của Kinh Thánh để tả trăng, như:

*Người trăng ăn vận toàn trắng
cả*

Gò má riêng thôi lại đỏ hường

(Trần Thanh Mai, tr 55)

Chúng ta liên tưởng ngay đến một câu của Thi Thiên (104,2) “Chúa bao phủ mình bằng ánh sáng như cái áo.”

Trăng trong Hàn Mặc Tử không những là một thứ ánh sáng ảo huyền và hiu hắt. Nó có hình có trạng, như một vật cụ thể khả xúc. Có khi là một món hàng – ai mua trăng ta bán trăng cho – có khi là châu báu, là hơi nước chảy, hay là

một người đàn bà, mà tôi mừng
tượng phải đẹp lắm trong nhan sắc
làm bằng Ánh Sáng và Im Lặng.

*Tôi lần cho Trăng một tràng
chuỗi*

*Trăng mới là Trăng của Rạng
Ngời*

(Trần Thanh Mại, tr 61)

Và nói chung, trăng là hồn, là
máu của bóng đêm: tôi có nói đến
ba chủ đề, kỳ thật chỉ là ba tiết diện
của một thể giới:

Gió rít từng cao trăng ngã ngửa

*Vỡ tan thành vũng đọng vàng
khô*

*Ta nằm trong vũng trăng đêm
ấy*

*Sáng dậy điên cuồng mưa máu
ra*

(Trần Thanh Mai, tr 63)

Hình ảnh máu hoặc nhỏ từng giọt, hoặc ọc từng búng, ho đọng thành vũng, hoặc chảy thành sông, có lẽ là dấu hiệu của bệnh lý. Ý nghĩa của máu là cuộc sống vì máu mang sinh lực đến cho mỗi tế bào, mà đồng thời cũng là cỗi chết, khi đã khô, đã đọng thành vũng máu đào trong ác lặn³⁷. Về hình ảnh máu vẫn thường gặp trong thơ Baudelaire, Jean Pierre Richard viết: “Sự xuất huyết thiêng liêng ở chỗ nó hội tụ cuộc sống hiển nhiên và cái chết tàn nhẫn³⁸. Máu là cuộc sống đang chết, hay là cái chết tiềm ẩn trong

³⁷ Trần Thanh Mai, sđd, tr 120.

³⁸ Jean Pierre Richard, *Poésie et Profondeur*, Seuil, 1955.

cuộc sống. Máu là hồn của thể xác
mà cũng là xác của linh hồn, nói
khác đi máu là thơ.

*Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn
bút*

Mỗi lời thơ đều đánh não cân ta

*Bao nét chữ quay cuồng như
máu vọt*

*Cho mê man chết điếng cả làn
da*

*Cứ để cho ta ngất ngư trong
vũng huyết*

*Trải niềm đau trên mảnh giấy
mong manh*

*Đừng nắm lại nguồn thơ ta đang
siết*

*Cả lòng ai trong mớ chữ rung
rinh*

(Trần Thanh Mai, tr 58)

Máu, cũng như thế, vừa là một hành hạ, vừa là một giải thoát. Chúng ta vẫn thường gặp những hình ảnh máu trong Kinh Thánh: máu là nguyên lý sự sống, nhưng khác với linh hồn ở chỗ máu là thành phần hư nát của cơ thể, còn linh hồn vẫn tồn tại đợi ngày Phục Sinh³⁹. Từ máu Cứu Thế trên Thánh Giá đến máu chiên con, hình ảnh của đau đớn, của hư nát lại là hình ảnh của Hy Vọng; máu của chúng sinh tuy không vào được nước Đức Chúa Trời (I. Cor. XV, 50) vẫn là

39 P. Dhorme, *Revue Biblique*, Số 4 tháng 10-1920, tr. 473. Loạt bài *l'Emploi métaphorique dans la Bible*, chuyên về hình ảnh của thân xác, rất cần cho việc tìm hiểu thơ H.M.T.

một môi giới, một phương tiện,
một ánh sáng, một thâm mỹ:

Và ai gánh máu đi trên tuyết

Mảnh áo da cừu ngấm nở nang

(tr. 38)

Trong bài Biển Hồn Ta (tr. 52) bắt đầu bằng câu Máu tim ta tuôn ra làm biển cả... người đọc có cảm giác như máu và hồn là một, hay máu là hồn của xác thịt còn thể phách là hồn của toàn thể, vì chính nhà thơ cũng phân biệt hồn ngoài và hồn trong

*Hồn hãy thoát ly ra ngoài tâm
tưởng*

*Là hồn đừng nghĩ ngại đến hồn
trong*

*Cứ để mặc hồn ngoài bay lượn
vương*

*Ngao du cùng khắp cõi trí mênh
mông*

*...Rồi hồn ngấm tử thi hồn tan
rã*

*Bốc thành âm khí loãng nguyệt
cầu xa...*

Đã là hồn rồi mà còn có tử thi nữa sao? Lại còn ngấm được tử thi mình nữa sao? Ở đây, ngoài sự phân biệt “hồn” và xác cố hữu trong tiềm thức người Việt Nam, ta còn phải ghi nhận thêm ảnh hưởng phong thổ vùng từ Qui Nhơn đến Phan Thiết nơi Hàn Mặc Tử sống, vùng đất của người Chăm. Nhà thơ thế nào, cũng nghe chuyện ma

Hồi đêm đêm là khỏi xác đi chơi hay ăn đêm, và đã nhớ đến những chuyện đó trong cơn mê sáng bệnh hoạn. Nhưng trong Thánh Kinh, nhất là Cựu Ước, chúng ta còn bắt gặp dấu tích sự phân biệt đó, bắt nguồn từ tư tưởng Do Thái giáo. Thân thể, tiếng Hébreu (Do Thái) gọi là basar, dịch ra La-tinh là caro, thành tiếng Pháp là chair. Xác thịt, nếu không có sinh khí, chỉ là một “tử thi”. Hơi thở của Jahweh đã hà sinh khí vào xác thịt, nhưng chỉ tạo nên một quân bình mong manh: “thần khí của ta sẽ không lưu lại mãi trong loài người, vì loài người chỉ là thân xác” (Gen VI, 3); vậy trong tư tưởng Do Thái giáo, chẳng những hồn và xác khác biệt nhau, mà hồn là thần khí mà Đức Chúa Trời ký thác vào thân xác con

người đó thôi, chứ không hẳn của con người. Do đó, trước khi chết, Chúa Jêsus đã nói “Thưa Cha, trong tay Cha con trả lại linh hồn, (Luc XXIII, 46) và Huy Cận đã nhắc lại trong câu Lay Thượng Đế tôi cúi đầu trả lại, Linh hồn tôi... Linh hồn đó, là cái thần khí của Jahweh nay trở về với Jahweh, chứ không phải là cái hồn lìa khỏi xác của Hàn Mặc Tử. Hồn này lại là một chuyện khác, một biểu hiệu của sự sống; hồn này có thể chết, có thể hư nát như thịt xương (Ps, 78, 50) lang thang xuống âm ty sống đời khổ ải, cho đến ngày Thượng Đế cho linh hồn sinh những đồng xương tăn mác⁴⁰. Trong những lời truyền dạy của Thánh Tự, Hàn Mặc Tử đã nhớ những chi tiết phù hợp với

40 Vocabulaire de Théologie Biblique, Sđd, tr. 31.

tâm hồn hay bệnh trạng mình nhất, nghĩa là sự phân biệt giữa hồn và xác, trong khi giáo lý Thiên Chúa về vấn đề này, phức tạp hơn nhiều.

Vì nhà thơ, trong cơn hành hạ của bệnh lý dĩ nhiên là tìm cách giải thoát, dù chỉ bằng mê sảng

Thịt da tôi sượng sần và tê điếng

Tôi đau vì rừng rợn đến vô biên

*Tôi chìm hồn xuống một vũng
trắng êm*

Cho trắng ngập dần lên tới ngực

(tr. 53)

Ở đây, ta bắt gặp ba hình tượng Trắng, Hồn và Máu dồn dập đi lại trong tương quan rất chặt chẽ: nhà thơ khắc hồn ra khỏi miệng, hay

diên cuồng mưa máu ra, hay ngậm cả miệng ta trắng và trắng, cả ba hình ảnh đều òa vỡ từ thân xác, và từ thân xác Đau Thương Hàn Mặc Tử đã dùng thơ để sống trọn vẹn tín lý của mình. Chàng đã thấy hồn mình trong máu vọt, và hồn mình chính là máu đang tuôn trào lênh láng; chàng đã ghi lại những cảm giác rùng rợn đó, bằng những hình ảnh ta đã gặp trong Cựu Ước: hồn ở trong máu (Lv XVII, 10) hồn là máu (Lv XVII, 14), một thứ máu luôn luôn vươn đến ánh sáng, như hình ảnh Đức Chúa Trời chói chang trong tấm áo dệt bằng Ánh Sáng trong Thi Thiên (104, 2) và đắm máu chiên con trong Khải Huyền (XIX, 13). Máu chiên con trở thành Ánh Sáng, và chiên con là ngọn đèn bất diệt của Jérusalem mới. Do đó,

tôi nói Hồn, Máu và Trắng chỉ ba màu sắc chiết quang của một Ánh Sáng Duy Nhất. Người đi trong Mơ Ước. Trong mơ ước, Hàn Mặc Tử đã gọi Ánh Sáng Khải Huyền đó là Xuân Như Ý.

*

Cho mau lên! Dồn ánh nguyệt vào đây...

Đưa ra, nào là nhạc thơm, hương gấm, mộng ngọc và hoa trinh bạch, đàn ly tao, tranh tuyệt phẩm...

Vẫn là chưa bua, chưa đã, chưa ngời được chí muốn sao!...

Phải mời cho được XUÂN THIÊN ra đời...

(tr 65)

Như vậy Xuân Thiên ở đây phải là một mùa xuân khác. Không là mùa xuân phảng phất ngày xưa trong làn nắng ửng khói mơ tan. Tuy là trời hạo nhiên trong thế giới đợi chờ của Gái Quê cũng một công trình châu báu, do phép tắc màu nhiệm của Đấng Vô thi Vô chung, nhưng là một thế giới sẽ hư nát, sẽ vỡ lở, sẽ chấm dứt. Vì công trình châu báu của Thượng Đế, sau khi con người tự dẫn thân vào tội ác, cũng đồng thời là sự phản nộ của Thượng Đế; mặt đất, nguyên là Quê Hương của loài người đã trở thành một Lưu Đà, không còn là vườn Địa Đàng long lanh nhũ hương và bích ngọc, cũng không phải là Đất Hứa óng ánh sữa thơm và mật ngọt; trên mặt đất, lúa tốt còn mọc lẫn với cỏ hoang,

trái lành ửng chín trong gai bụi, và lương thực loài người còn trộn lẫn cát bụi với mồ hôi; Và con người không những thịt da sượng sần và tê điếng mà còn nứt nẻ như muốn tan rã ra cùng vũ trụ, làm cho mê lẫn máu và hồn, ta là ta hay không phải là ta. Thế giới hiện tại, tuy vẫn có thanh sắc, nhũ hương, vẫn mang sẵn mục nát trong mầm sống. Và mầm sống đó, có sung mãn đến đâu, thì nhà thơ vẫn lòng thương chưa đã mẹn chưa bura, nên phải mời cho được Xuân Thiên.

Chúng ta chưa quên được Người đang say sưa đi trong Mơ Ước đã gặp ở trang đầu. Vậy Xuân Thiên đây là niềm mơ ước ở sự tồn sinh sau cõi chết, sẽ được hồi phục trong cảnh trời mới đất mới, rạng ngời

trong danh Cha cả sáng. Những thi phẩm cuối cùng của Hàn Mặc Tử như Xuân Như Ý gom góp xong đầu năm 1939, Thượng Thanh Khí đầu năm 1940 và Cẩm Châu Duyên viết giữa năm 1940, gồm hai vở kịch thơ Duyên Kỳ Ngộ và Quần Tiên Hội viết dở dang, đều nói lên niềm Mơ Ước đó. Trong bài này, tôi tạm xếp ba tác phẩm trên cùng những bài cuốn tập Đau Thương vào chủ đề Xuân Như Ý, cho gọn, và như một giai đoạn trong thi trình Hàn Mặc Tử.

Mùa Xuân Thượng Thanh đó ra sao? Về chủ đề mơ ước trong Thánh Kinh một chuyên gia về giáo lý Thiên Chúa nhận xét: “Cuộc sống vĩnh viễn được xác nhận rõ rệt bao nhiêu, thì những đường

nét của nó lại mờ nhạt bấy nhiêu. Không những mờ nhạt, mà đôi khi còn thiếu sót. Sự tồn sinh không được mô tả, dù dưới những hình ảnh khái huyền”⁴¹.

Lần trong mơ hồ đó, nhà thơ tha hồ mà tưởng tượng quang cảnh trời đất mới. Nếu Xuân Như Ý còn nhiều hình ảnh dựa theo tín lý Thiên Chúa, thì Cẩm Châu Duyên lại gần với huyền tượng của dân gian, phảng phất không khí thần tiên của Đạo giáo – một thứ Đạo giáo bình dân, không ăn thua gì đến cái “đạo khả đạo” của Lão Tử. Vì vậy Hoài Thanh cho rằng Hàn Mặc Tử “chốc chốc lạc vào thế giới đồng bóng”. Thật ra trong cái hoa hòe của dự tưởng, nội dung nòng

41 Jacques Quillet, *tủ sách giáo lý*, Thèmes Bibliques, Aubier, 1950, tr 175.

cốt của Xuân Như Ý vẫn là một tín điều Thiên Chúa giáo.

Trước hết đó là một mùa Xuân. Nghĩa là một thế giới mới, một khung cảnh tái tạo, như cảnh thành Jérusalem mới được thánh Jean rao truyền ở chương cuối Phúc Âm, Trời mới đất mới được dựng lên trên cảnh trộn trạo, tán loạn của ngày tận thế :

*Cả vũ trụ tàn theo ngày Phản
xét*

*Là khủng khiếp cả Trời Đất tiêu
diệt*

(tr 60)

Mùa Xuân đó ở xa. Ở thật xa nếu nhìn từ thế giới hồn nhiên của *Gái Quê*.

Cửu Trùng là chốn xa xôi ấy

Chim én làm sao bay đến nơi

(tr 37)

Nhưng kinh nghiệm Đau Thương, kinh nghiệm của xác tín trong khổ não, đã chắp lên thân xác nứt nẻ của nhà thơ đôi cánh phượng hoàng. Bằng những bất hạnh, Hàn Mặc Tử đã đến gần với Chúa, và gần với mùa xuân Mơ Ước hơn là cánh én bơ vơ :

*Phượng trì! Phượng trì! Phượng
trì! Phượng trì*

*Thơ tôi bay suốt một đời chưa
thấu*

*Hồn tôi bay đến bây giờ mới
đậu*

*Trên triều thiên ngời chói vạn
hào quang*

(tr 78)

Trong bài *Thánh nữ Đồng Trinh Maria* này, với nguồn rung cảm mãnh liệt của đức tin, nhà thơ đã sống cả thế giới hiện tại lẫn mùa xuân dự tưởng, đã nói đến cơn lậm lụy vira trải qua dưới thế như là một quá khứ. Và trong đức tin đó, nhà thơ đã vẽ cho ta địa hình của Đất Mới, trong bài tựa tập *Xuân Như Ý* :

*Vì chưng muôn xuân là lương
thực ngon ngọt, mỹ vị, ánh xuân là
nguồn tơ tưởng thơm tho, tinh khiết,
khí xuân là mạch trường sanh bất
tử, tình xuân là cung cầm nguyệt
mê ly, tuổi xuân là NGỌC NHƯ Ý,*

tên xuân là DẠ LAN HƯƠNG.

*Và xuân là phong vị thái hòa của
năm muôn năm, trời muôn trời,
châu lưu trên thượng tầng không
khí, bàng bạc cả giải Hà Sa, chen
lẫn vô tận hồn tạo vật...*

*Loài người hãy tận hưởng một
hơi cho đã ngán và cao rao danh
Cha cả sáng...*

(tr 66)

Chúng ta thử khai triển vài nét
chính của Xuân Như Ý. Chúng ta
đã thấy đó là mùa xuân hồi sinh,
sau khi “trời thứ nhất, đất thứ
nhất tan biến.” (Ap. XXI, 2) Như
đặc biệt mùa xuân này nảy lộc từ
mùa đông, nhưng sẽ không bao giờ
chuyển sang mùa hạ Mai này thiên

địa mới tinh khôi... Và sẽ còn tinh khôi mãi mãi, vì đã đi vào cõi tứ thời xuân non nước. Trong Cẩm Châu Duyên nhà thơ gọi là Xuân vô cùng đến ngàn năm ơn phước và mô tả như một tươi sáng triền miên :

Liên hồ đây bốn mùa xuân cả bốn

Ngát hương đưa trong gió sớm chơi vơi

Làn nước mát và chưa bao giờ gợn

Vết phong trần đưa lại ở xa khơi

(Trần Thanh Mại, tr 147)

Đoạn cuối Khải Huyền truyền giảng rõ ràng. Đất Mới đây, là

châu thân Thiên Chúa; mùa xuân của Hàn Mặc Tử trường sinh bất tử, năm của muôn năm, vì ở Khải Huyền Chúa đã kết luận: “Ta làm mới mọi vật. Ta là Alpha và Oméga, là nguyên lý và cực chung.” (Ap. XXI, 5-6)

Xuân Như Ý tiếp đến là một vũ trụ thơm tho và tinh khiết, vì là càn khôn mới dựng lên. Ở đây, nhà thơ như rợn ngợp trong trình nguyên của Đất Mới, mà tượng trưng là chiên con vô tật và vô tội, làm ngọn đèn trình bạch rọi sáng cả hoàng thành. Thi sĩ vội nguyện cầu gọi rửa:

Tôi van lơn thầm gọi Chúa Giê Su

*Ban ơn xuống cho mùa Xuân
hôn phối*

*Xin tha thứ những câu thơ tội
lỗi*

Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng

(tr 74)

Và đề nghị ca vinh hiển của
Nguồn thơm, nhà thơ đã cao ngâm
một giọng long lanh, thanh thoát:

Ta cho ra một dòng thơ rất mát

*Mới tinh khôi và thanh sạch
bằng hương*

(tr 70)

Theo Hoài Thanh — người may
mắn hơn chúng ta, được đọc toàn
bộ thi phẩm — thì Cẩm Châu Duyên,

thi phẩm cuối cùng' là “trong trẻo hơn cả”⁴². Âu cũng là chuyện lạ. Gái Quê, từ ban sơ, đã là một dòng suối rừng vẫn đục, rồi chảy qua một cuộc đời khổ ải, chuyên chở không biết bao nhiêu trần lụy, ấy mà dần dà lại gạn lọc hết phù trầm, để đổ ra đại dương bằng một giải Cẩm Châu trong vắt. Thật là một đặc điểm trong thẩm mỹ thi ca.

Đất Mới còn là một xứ rục rờ,
cao sang, vì xuân mang tên một
loài Ngọc:

*Ánh hào quang chan chói ngất
lưu ly*

*Ôi! Cao sang khôn vi, trọng ai bì
Trên nước cả có vô vàn châu báu*

(tr 67)

42 Hoài Thanh và Hoài Chân, sđd, tr 214.

Những hình ảnh tráng lệ như gấm, ngọc, trân châu, thất bảo, nhũ hương, mộc dược đều muốn gọi lên một vinh hiển, như khi sứ đồ tả thành Jérusalem mới trong Khải Huyền: “Thành ấy chói sáng như một viên bửu thạch, như bích ngọc rạng ngời... Tường thì xây bằng bích ngọc, thành thì xây bằng vàng ròng, tợ như thủy tinh trong vắt. Mười hai cửa thì làm bằng mười hai hột châu.” (Ap. XXI, 11, 18 và 21) Dựa theo Khải Huyền, tôi cho rằng những đền đài dự tưởng trong Hàn Mạc Tử là một phóng thể của đức tin Thiên Chúa, vì cảnh Bồng Lai của Á Đông, cảnh thần tiên của Đạo gia không có cái huy hoàng, rực rỡ đó.

Cuối cùng Xuân Như Ý là một thái hòa tuyệt đối, trong không gian và thời gian, thái hòa của năm muôn năm, trời muôn trời. Ở đó, trời thì bình an như nguyệt bạch, còn người thì hoan hảo, no nê nhờ trái cây bằng ngọc, vỏ bằng gấm. Còn nói chung:

*Thiên hạ thái bình và trời tuôn
ơn phước*

*Như triều thiên vờn lượn khắp
không gian*

(tr 71)

Ở đây, sầu đau đã chìm trong quên lãng. Đất Mới không còn cảnh chết chóc, than khóc, kêu ca hay đau đớn nữa» (Ap. XXI, 4) vì những lậm lụy dưới thế đã qua.

Ở đây, tất cả đều là ánh sáng. Và ánh sáng là linh thị cuối cùng bao trùm trọn vẹn thi trình Xuân Như Ý, đồng thời rọi lại toàn bộ tác phẩm Hàn Mặc Tử như một Thánh Thể kết tinh triền miên vươn tới Ánh Sáng, vươn tới Ánh hào quang chan chói ngất lưu ly. Hay trở về Ánh Sáng. Ở đây, chúng ta đi sâu vào ngõ ngách cuối cùng trong đức tin Hàn Mặc Tử:

Ta ước ao đầu đội mũ triều thiên

Và tắm gội ở trong nguồn ánh sáng.

Tôi sẽ dừng lại đây, dừng lại ở hình ảnh Nguồn Ánh Sáng, vừa là một vươn tới, vừa là một trở về. *Mùa Xuân Như Ý* đẹp trước hết vì là Xuân, thứ đến vì nó là Như Ý, nó

đưa con người về với Chúa, về với Nguồn. Vậy Nguồn Ánh Sáng ở đây là Alpha và là Oméga, vừa là cội rễ vừa là cứu cánh con người. Và cơ cấu thơ Hàn Mặc Tử do đó gói ghém cả mặc khải Thánh Tựa lẫn lịch trình Cứu Rỗi. Tôi có cảm giác đã làm xong một bài luận mạch lạc. Bây giờ là kết.

*

Tham vọng của tôi trong bài này là đề nghị một lối nhìn nhất quán vào tác phẩm Hàn Mặc Tử, trong giới hạn những bài thơ còn lưu truyền, nghĩa là trên một sự nghiệp bị thời gian cắt xén. Khai

quật cơ cấu nội tại của sự nghiệp đó, chúng tôi lại còn mong ước rọi sáng những bài, những câu thơ mà các nhà phê bình xưa nay, từ Trần Thanh Mại đến Vũ Ngọc Phan, cả thi sĩ Quách Tấn đều cho là khúc mắc. Theo chúng tôi, hiểu tất cả các câu thơ, các bài thơ trong một tập thơ, chưa hẳn đã là hiểu toàn bộ tập thơ, ít nhất cũng đối với người viết phê bình. Chúng ta còn phải hiểu liên hệ nội tại trong mỗi tập thơ để nắm vững cơ cấu sáng tạo của thi sĩ — ít ra cũng trong chủ quan người đọc.

Liên hệ nội tại đó, tôi đặt trên đức tin của Hàn Mặc Tử. Tôi cũng có thể đề nghị một nền tảng khác; tôi chọn chủ đề này với một dụng ý: giải thích những nhận xét cố hữu

của các nhà phê bình tiền bối vẫn cho Hàn Mặc Tử là nhà thơ Thiên Chúa giáo, mà không nói rõ, nói đầy đủ, tại sao. Các vị đó thường trích dẫn những bài thơ, hay câu thơ có âm vang tôn giáo, có hình thức tín ngưỡng như Maria linh hồn tôi... rồi kết luận; theo tôi, thì chưa đủ vì một người không có đức tin cũng có thể kể rất nhiều tên Thánh, làm thơ ca tụng Đấng Tối Linh, như ngày xưa Nguyễn Hữu Tiến hay Tản Đà nhắc đến Thượng Đế trong “Quả Dưa Đỏ” hay “Giấc Mơ Con”. Theo tôi, chúng ta chỉ có thể nói đến tín lý trong một tác phẩm khi toàn bộ tác phẩm đó tiềm ẩn đức tin trong cơ cấu. Nói khác đi một người Thiên Chúa giáo chưa hẳn là kẻ đọc kinh vanh vách, mà là người đem trọn cuộc đời mình

đáp lại lời gọi của ơn Trên, và một thi sĩ Thiên Chúa giáo không hẳn là kẻ tự xưng là thi sĩ của đạo quân Thánh giá (tr 71) như Hàn Mặc Tử đã tự nhận, mà là kẻ đem cả sự nghiệp thi ca của mình âm vọng lại tiếng gọi của Thượng Đế. Và dĩ nhiên không phải là kẻ “dùng thơ để truyền bá tôn giáo của mình” như Quách Tấn nhận định ở trang 118 số Văn thượng dẫn. Do đó mà tôi cố gắng chứng minh toàn tập thi phẩm Hàn Mặc Tử là một tiếng vọng của Thánh Tục.

Dĩ nhiên, trong tác phẩm Hàn Mặc Tử còn nhiều vết tích của một nhân bản Việt Nam — Tín ngưỡng Thiên Chúa đã nảy mầm trên một nhân bản phiếm thần và đa giáo, thì hồn thơ Hàn Mặc Tử không

khởi làm một lăng kính hội tụ rồi phát huy nhiều nguồn sáng khác nhau, và hỗ tương lẫn nhau, như Giáo hoàng Paul VI đã tuyên bố trên đài phát thanh Véritas chủ nhật 29-11 vừa qua, nhân chuyến công du sang Á Đông. “Chúng ta đang ở một vùng đất mà những tư trào cổ kính của Đông phương và những trào lưu mới mẻ hơn của Tây phương đã kết hợp lại và làm giàu cho nhau.”⁴³

Và bạn đọc sẽ hoan hỉ nếu Quách tiên sinh thủ lời hứa “nói về đạo Từ bi trong thơ Tử” vì sẽ hiểu thêm một khía cạnh của thi phẩm, qua kiến thức uyên bác của tiên sinh về phương diện Phật lý cũng như tác phẩm Hàn Mặc Tử..

⁴³ Le Monde, ngày 1 tháng 12 1970, tr 8, cột 1.

Cuối cùng, viết bài này tôi cùng có hai hậu ý riêng tư. Trước là để giải một lời hứa với Tòa soạn Văn từ hai năm nay; một đề tài bao quát và hệ trọng như vậy đòi hỏi một suy nghĩ dài hạn, khiến anh Trần Phong Giao cứ trách tôi là “thề cá trê chui ống”.

Thứ đến là hồi đầu năm nay, tôi có viết một bài diễm sách, về vở kịch “Ngộ Nhận” của Vũ Khắc Khoan. Bài đó đã gây nhiều hiểu lầm, nhất là trong những người thân của tôi, cho là tôi bất kính đối với đức tin Thiên Chúa; và tôi rất khổ tâm; nếu có hiểu lầm đó, dĩ nhiên lỗi về phần tôi, viết không khéo, nói không trọn, lời không thanh, ý không minh. Vậy bài này viết vào mùa Giáng sinh, cho số

Văn Giáng sinh nếu kịp lên khuôn và Bưu điện phát đúng kỳ, sẽ là một bổ chính cho bài trước, và cùng là lời tạ lỗi thành khẩn của tôi⁴⁴.

Lòng thành khẩn đó, của riêng tôi, nhân mùa Hy Vọng còn là cánh hoa huệ từ một lưu vực xa xôi gửi về cho quê hương yêu dấu.

Đặng Tiến

(Val de Loire, 12-1970)

44 L.T.S. - Tòa soạn VĂN xin chân thành tạ lỗi cùng bạn Đặng Tiến, vì đã giữ bài trên đây quá lâu, trong mục đích dành bài viết công phu của bạn cho số VĂN đặc biệt về Hàn Mặc Tử, một số báo đã đòi hỏi gần nửa năm trời sửa soạn.

